165

DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN CHIA THEO ĐƠN VỊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Ha

	Tổng số	Chia theo diện tích đất nông, lâm nghiệp và thủy sản			
		Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp	Đất nuôi trồng thủy sản
Tổng số	**114.686**	**31.867**	**6.864**	**75.133**	**822**
- Doanh nghiệp	57.012	160	400	56.45	3
- Hợp tác xã	513	419	89		6
- Hộ	57.161	31.289	6.375	18.683	814
+ Trang trại	418	261	34	40	83
Đơn vị nông nghiệp	**56.524**	**31.57**	**6.26**	**18.505**	**189**
- Doanh nghiệp	160	160			
- Hợp tác xã	513	419	89		6
- Hộ	55.851	30.992	6.171	18.505	183
+ Trang trại	337	261	34	40	2
Đơn vị lâm nghiệp	**57.042**	**47**	**421**	**56.573**	**1**
- Doanh nghiệp	56.849		400	56.45	
- Hợp tác xã					
- Hộ	192	47	21	123	1
+ Trang trại					
Đơn vị thủy sản	**1.12**	**250**	**183**	**55**	**633**
- Doanh nghiệp	3				3
- Hợp tác xã					
- Hộ	1.118	250	183	55	630
+ Trang trại	81				81

Kết quả Tổng điều tra Nông nghiệp và Thủy sản